

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày 28/5/2019
Về việc tranh chấp ly hôn giữa chị
Vũ Thị N và anh Mai Thế V

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hương Giang

Các hội thẩm: 1. Bà Nguyễn Thị Bình

2. Bà Trần Thị Minh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Vũ Ngọc Trang - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai, Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 58/2019/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 01 năm 2019 theo quyết định xét xử số 18/2019/HNGĐ ngày 16/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1980 (có mặt)

Bị đơn: Anh Mai Thế V, sinh năm 1975 (vắng mặt)

ĐKKHKT và trú tại: Tổ 15 (nay là tổ 14) phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Mai Thế V có tình hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/9/1999 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai anh chị. Sau khi kết hôn anh chị sống tại tỉnh T một thời gian, đến năm 2003 thì anh chị mua nhà và chuyển ra sống tại tổ 14 phường V, quận H, thành phố Hà Nội cho đến nay.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 1/2014 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V không có công ăn việc làm ổn định, không hỗ trợ chị trong kinh tế gia đình, một mình chị phải lo toan mọi chi phí sinh hoạt gia đình. Không những vậy anh V còn không chăm sóc quan tâm đến các con và chị, một mình chị vừa phải lo kinh tế, vừa phải chăm sóc các con rất mệt mỏi. Đã từ lâu anh V hay tụ tập bạn bè uống rượu, khi say về thường đánh chị và chửi các con. Mỗi lần như vậy chị có góp ý anh V lại đập phá đồ đạc. Vì

các con đã từ lâu chị nhẫn nhịn và chịu đựng, chị cố gắng khuyên nhủ anh V nhiều lần nhưng anh V không thay đổi, không lo làm ăn, mà lại sa vào cờ bạc ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Do vậy cuộc sống vợ chồng từ lâu không hạnh phúc, anh chị sống ly thân từ nhiều năm nay, mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến cuộc sống riêng của ai, chỉ thỉnh thoảng anh V hỏi thăm đến con, còn vợ chồng từ nhiều năm nay không nói chuyện, quan tâm đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với anh V không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- *Về con chung*: Chị N xác nhận trong thời kỳ hôn nhân chị và anh V có 02 con chung là Mai Vân A, sinh ngày 22/6/2000 và Mai Vân K, sinh ngày 12/12/2013. Con chung Mai Vân A đã trưởng thành có gia đình riêng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung Mai Vân K. Nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nhà đất ở chung*: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nợ chung*: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh V đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo đến Tòa án để ghi ý kiến và các giấy báo đến Tòa làm việc nhưng anh V không đến Tòa để trình bày ý kiến về việc chị N xin ly hôn với anh.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị N vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh Mai Thế V. Chị N xác định mâu thuẫn giữa chị và anh V đã trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn đoàn tụ được. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

- *Về con chung*: Chị N xác nhận trong thời kỳ hôn nhân chị và anh V có 02 con chung là Mai Vân A, sinh ngày 22/6/2000 và Mai Vân K, sinh ngày 12/12/2013. Con chung Mai Vân A đã trưởng thành có gia đình riêng, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung Mai Vân K. Nếu được nuôi con chị không yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nhà đất ở chung*: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- *Về nợ chung*: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết
Bị đơn anh V vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau:

- Về thụ lý vụ án: Căn cứ các tài liệu nguyên đơn nộp kèm theo đơn khởi kiện, bị đơn anh Mai Thế V trú tại tổ 14, phường V, quận H, Hà Nội. Do vậy, Tòa án nhân dân Quận Hoàng Mai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng các quy định về phân công thẩm phán, thư ký đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm

phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, thu thập chứng cứ, việc tổng đạt các thông báo, quyết định cho đương sự. Thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát và thời hạn giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá vụ án, căn cứ vào bản tự khai, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được xác định hôn nhân giữa chị N, anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị N, cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Mai Thế V.

Về con chung: Con chung Mai Vân A, sinh ngày 22/6/2000 đã trưởng thành, có gia đình riêng, việc ở với ai do con chung tự quyết định, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao con chung là Mai Vân K, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung chị N không yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V kể từ khi án có hiệu lực cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi anh chị có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét

Về khoản nợ chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Việc chị Vũ Thị N xin ly hôn với anh Mai Thế V, anh Mai Thế V hiện trú tại tổ 14 phường V, quận H, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh V đã được Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo đến Tòa ghi ý kiến, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng anh V không đến Tòa án để trình bày ý kiến và giao nộp chứng cứ tài liệu, anh V cũng không đến Tòa tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo của Tòa án. Điều này thể hiện anh V đã từ bỏ quyền trình bày ý kiến, quyền cung cấp chứng cứ để phản đối

yêu cầu của chị N. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ tiến hành niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh V nhưng anh V vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh V.

Về nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị N: Chị Vũ Thị N và anh Mai Thế V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 34 (quyển số 01 năm 1999) do UNND xã V, huyện V, tỉnh T cấp ngày 14/9/1999, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị N và biên bản xác minh tại địa phương nơi anh chị sinh sống thể hiện: Cuộc sống vợ chồng giữa chị N, anh V đã từ lâu xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V không có công ăn việc làm ổn định, không hỗ trợ chị trong kinh tế gia đình, một mình chị phải lo toan mọi chi phí sinh hoạt gia đình. Không những vậy anh V còn không chăm sóc quan tâm đến các con và chị, một mình chị vừa phải lo kinh tế, vừa phải chăm sóc các con rất mệt mỏi. Đã từ lâu anh V hay tụ tập bạn bè uống rượu, khi say về thường đánh chị và chửi các con, bản thân chị đã động viên khuyên nhủ anh V nhiều lần nhưng anh V không thay đổi, mâu thuẫn giữa chị đã được tổ dân phố hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ lâu, mặc dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã thông báo cho anh V đến Tòa tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc hòa giải đoàn tụ không thành. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh mâu thuẫn vợ chồng nơi anh chị sinh sống, cung cấp của địa phương phù hợp với lời khai của đương sự. Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân để xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Chị N có đơn xin ly hôn là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N được ly hôn với anh V.

Về con chung: Căn cứ lời khai của chị N và giấy khai sinh của con chung xác nhận trong thời kỳ hôn nhân chị N, anh V có 02 con chung là Mai Vân A, sinh ngày 22/6/2000 và Mai Vân K, sinh ngày 12/12/2013.

Con chung Mai Vân A đã trưởng thành, có gia đình riêng, việc ở với ai do con chung tự quyết định, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi con chung Mai Vân K, chị N không yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Con chung Mai Vân K có nguyện vọng được sống cùng với mẹ.

Quá trình giải quyết ly hôn anh V không đến Tòa để trình bày nguyện vọng, cung cấp chứng cứ và chứng minh về điều kiện nuôi con khi ly hôn. Xét nguyện vọng được nuôi con chung của chị N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N có nhà riêng và thu nhập ổn định. Hiện con chung đang sống cùng chị, kể từ khi anh chị sống ly thân chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con mà không có hỗ

trợ từ anh V, anh V không quan tâm đến gia đình và các con, hay uống rượu sau, chửi mắng vợ con, nếu giao con chung cho anh V nuôi sẽ làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý cho các con. Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của con chung, con chung có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Vì vậy để đảm bảo những điều kiện tốt nhất về mặt tâm sinh lý, ổn định cuộc sống của con chung sau khi bố mẹ ly hôn, hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao con chung Mai Văn K, sinh ngày 12/12/2013 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục.

Chị N không yêu cầu anh V đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành hoặc cho đến khi anh chị có sự thay đổi khác. Tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn chị N xác nhận chị và anh V không có thai chung.

Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về các khoản nợ chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự .

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Áp dụng điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, mục 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

1. Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị N

Chị Vũ Thị Nga được ly hôn với anh Mai Thế V

2. Về con chung: Xác nhận chị Vũ Thị N và anh Mai Thế V có 02 con chung là Mai Văn A, sinh ngày 22/6/2000 và Mai Văn K, sinh ngày 12/12/2013.

Con chung Mai Văn A, sinh ngày 22/6/2000 đã trưởng thành, có gia đình riêng, việc ở với ai do con chung tự quyết định, chị N không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

Giao con chung là Mai Văn K, sinh ngày 12/12/2013 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Mai Thế V kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi anh chị có sự thay đổi khác.

Anh Mai Thế V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Tại thời điểm Tòa án giải quyết ly hôn chị Vũ Thị N và anh Mai Thế V không có thai chung.

3. Về tài sản chung là động sản và bất động sản: Chị Vũ Thị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về khoản nợ chung: Chị Vũ Thị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận Chị Vũ Thị N đã nộp đủ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0004741 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Hoàng Mai.

Nguyên đơn chị Vũ Thị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn anh Mai Thế V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nội nhận

- *Tòa án nhân dân TP.Hà Nội*
- *VKSND quận Hoàng Mai*
- *Chi cục THADS quận Hoàng Mai*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS, VP*

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hương Giang